

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24-9-2020
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tĩnh

Bà Trần Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 217/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị P; ĐKTT: Thôn P, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; cư trú tại thôn H, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn K; cư trú tại thôn P, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, phần tranh tụng; vắng mặt khi tuyên án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các biên bản lấy lời khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Lê Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị P và ông Trần Văn K kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện A vào ngày 28 tháng 9 năm 1998. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại

gia đình ông Trần Văn K ở thôn P, xã A, huyện A. Quá trình chung sống, hai bên hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do ông Trần Văn K thường uống rượu rồi đánh đập, hành hạ vợ con dẫn đến vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nên xảy ra va chạm cãi, chửi nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ tháng 01 năm 2020, bà Lê Thị P đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở thôn H, xã A, sống ly thân với ông Trần Văn K, hiện tại cả hai không ai quan tâm và trách nhiệm với nhau. Nay bà Lê Thị P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn K.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung Trần Thị Tuyết M – sinh ngày 09 tháng 10 năm 2002; Trần Thị T – sinh ngày 08 tháng 10 năm 2005; Trần Thị L – sinh ngày 28 tháng 10 năm 2015 và Trần Tùng D – sinh ngày 06 tháng 01 năm 2020; các con chung hiện đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn bà Lê Thị P đề nghị Tòa án giao các con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con do bà và ông Trần Văn K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Bà Lê Thị P không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Tại các biên bản lấy lời khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, địa điểm chung sống của vợ chồng như bà Lê Thị P đã trình bày là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng không có phát sinh mâu thuẫn. Tháng 01 năm 2020, bà Lê Thị P bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở thôn H, sống ly thân với ông Trần Văn K; việc bà P bỏ về nhà mẹ đẻ do nguyên nhân gì ông không được biết. Sau khi bà P bỏ về, ông có gọi điện để thuyết phục bà P quay về đoàn tụ nhưng bà P không đồng ý. Nay bà Lê Thị P xin ly hôn, ông Trần Văn K có quan điểm không nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị P, đề nghị Tòa án giúp đỡ vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung như bà Lê Thị P trình bày là đúng; các con chung hiện do bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu phải ly hôn, ông Trần Văn K đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung Trần Thị L và Trần Tùng D; bà Lê Thị P trực tiếp nuôi dưỡng các con chung Trần Thị Tuyết M, Trần Thị T; việc cấp dưỡng nuôi con do ông và bà Lê Thị P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Nếu ly hôn, ông Trần Văn K không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự, các điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho bà Lê Thị P được ly hôn với ông Trần Văn K; về con chung, căn cứ các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình, xử giao con chung Trần Thị Tuyết M – sinh ngày 09 tháng 10 năm 2002; Trần Thị T – sinh ngày 08 tháng 10 năm 2005 cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng; giao các con chung Trần Thị L – sinh ngày 28 tháng 10 năm 2015 và Trần Tùng D – sinh ngày 06 tháng 01 năm 2020 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con do các bên đương sự tự thỏa thuận; thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Bà Lê Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các bên đương sự, các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã xác định bà Lê Thị P và ông Trần Văn K kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện A vào ngày 28 tháng 9 năm 1998. Quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp; vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà Lê Thị P và ông Trần Văn K đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Lê Thị P được ly hôn với ông Trần Văn K. Ông Trần Văn K không đồng ý ly hôn nhưng không có giải pháp để khắc phục tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn K.

[2] Về con chung: Bà Lê Thị P và ông Trần Văn K có 04 con chung là Trần Thị Tuyết M – sinh ngày 09 tháng 10 năm 2002; Trần Thị T – sinh ngày 08 tháng 10 năm 2005; Trần Thị L – sinh ngày 28 tháng 10 năm 2015 và Trần Tùng D – sinh ngày 06 tháng 01 năm 2020. Ly hôn bà Lê Thị P đề nghị được nuôi 04 con chung; ông Trần Văn K đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung Trần Thị L, Trần Tùng D và giao các con chung Trần Thị T, Trần Thị Tuyết M cho bà P nuôi dưỡng. Xét thấy việc nuôi con chung vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha mẹ, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng cũng phải đảm bảo cho con chung được nuôi dạy trong điều kiện tốt nhất; điều kiện nuôi con của các bên là ngang nhau, các con chung Trần Thị L, Trần Tùng D còn nhỏ cần thiết phải có sự chăm sóc hàng ngày của người mẹ nên giao các con chung Trần Thị L, Trần Tùng D cho bà P nuôi dưỡng; giao các con chung Trần Thị T và Trần Thị Tuyết M cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung do các bên đương sự tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét, giải quyết. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày

bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản: Do đương sự không có yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị P phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 143 và 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị P được ly hôn với ông Trần Văn K.

2. Về con chung: Giao các con chung Trần Thị L – sinh ngày 28 tháng 10 năm 2015 và Trần Tùng D – sinh ngày 06 tháng 01 năm 2020 cho bà Lê Thị P trực tiếp nuôi dưỡng; giao các con chung Trần Thị Tuyết M – sinh ngày 09 tháng 10 năm 2002 và Trần Thị T – sinh ngày 08 tháng 10 năm 2005 cho ông Trần Văn K trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung do các bên đương sự tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét, giải quyết.

Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Lê Thị P phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Bà Lê Thị P đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0012673 ngày 07 tháng 7 năm 2020) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt khi tuyên án, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã A;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Duy Thạch